SAO Y; SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; 22/05/2026; 15:14:12; +07:00

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 30 /GPMT-SNNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 22 tháng 5 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-SNNMT ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của "Xây dựng nhà xưởng cho thuê sản xuất gia công đế giày";

Xét Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường số 01/VBĐN-TOANLOC ngày 04 tháng 02 năm 2026 và Văn bản số 02/VBĐN-TOANLOC của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Toàn Lộc và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 101/TTr-CCBVMT ngày 08 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Toàn Lộc, địa chỉ tại số 55 Phan Xích Long, phường 03, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 55 Phan Xích Long, phường Đức Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Xây dựng nhà xưởng cho

thuê sản xuất gia công đế giày", địa chỉ Lô A1-4, A1-5, Đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Xây dựng nhà xưởng cho thuê sản xuất gia công đế giày.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A1-4, A1-5, Đường số 1, Khu công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301790859, đăng ký lần đầu ngày 23/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 01/03/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

1.4. Mã số thuế: 0301790859.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng nhà xưởng và các công trình phụ trợ cho thuê.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

a) Tổng diện tích của cơ sở là 41.953 m^2.

b) Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

c) Dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

d) Công suất:

- Cơ sở xây dựng hạ tầng nhà xưởng cho thuê sản xuất gia công đế giày và vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 150m^3/ngày đêm.

- Quy mô sử dụng đất của cơ sở:

STT	Danh mục loại Đất	Diện tích Giai đoạn 1 (m^2)	Diện tích Giai đoạn 2 (m^2)	Tổng cộng (m^2)	Tỷ lệ (%)
1	Diện tích chiếm đất xây dựng (tầng 1)	12.340,24	3.721,15	16.061,39	38,3
2	Diện tích sân đường - phụ trợ	4.950,29	1.921,30	6.871,95	16,4
3	Diện tích cây xanh	4.277,47	1.039,30	5,316,77	12,7
4	Diện tích đất dự trữ	-	-	13,703,25	32,7
	Tổng diện tích đất xây dựng	**21.568,00**	**6.681,75**	**41.953,0**	**100**

Quy mô các hạng mục công trình như sau:

TT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn (m^2)
I	**Giai đoạn 1**		12.340,24	13.976,24
1	Nhà xưởng sản xuất	01 trệt	9.090,24	9.090,24
2	Nhà văn phòng	01 trệt + 01 lầu	375	750

TT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn (m^2)
3	Nhà nghỉ giữa ca	01 trệt + 01 lầu	455	916
4	Nhà kho	01 trệt	900	900
5	Nhà ăn + nhà xe	01 trệt + 01 lầu	800	1.600
6	Nhà bảo trì	01 trệt	50	50
7	Nhà kho máy	01 trệt	150	150
8	Nhà trạm điện	01 trệt	150	150
9	Nhà trạm bơm – bể nước ngầm 350m^3	-	160	160
10	Nhà điều hành - Khu xử lý nước thải	-	125	125
11	Nhà bảo vệ	01 trệt	35	35
12	Nhà rác	-	50	50
II	**Giai đoạn 2**		3.721,15	7.244,30
1	Nhà xưởng	01 trệt + 01 lầu	3.194,15	6.225,30
2	Nhà xe, nhà ăn và nhà nghỉ trưa	01 trệt + 01 lầu	492	984
3	Nhà rác	-	Tính vào diện tích nhà xưởng	Tính vào diện tích nhà xưởng
4	Trạm điện	-	Tính vào diện tích nhà xưởng	Tính vào diện tích nhà xưởng
5	Nhà bảo vệ	01 trệt	35	35

đ) Quy trình công nghệ sản xuất: Cơ sở không trực tiếp sản xuất. Chủ cơ sở xây dựng nhà xưởng, các công trình phụ trợ cho thuê. Trong đó đơn vị thuê tự chịu trách quản lý chất thải rắn và khí thải. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm thu gom và vận hành hệ thống xử lý nước thải.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Toàn Lộc

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Toàn Lộc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Giấy phép môi trường số 126/GPMT-UBND, cấp ngày 17 tháng 01 năm 2023 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Toàn Lộc;
- CT UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND xã Thạnh Lộc;
- BQL Khu kinh tế tỉnh An Giang;
- CCBVMT (4 bản);
- Trung tâm Phục vụ HCC (01 bản);
- Cổng Thông tin điện tử Sở NN&MT;
- Lưu: VT, pmngoc.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Lê Hữu Toàn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 30 /GPMT-SNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh tại khu nhà xưởng sản xuất, khu nhà văn phòng, nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn, nhà bảo vệ của Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá (công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải sử dụng chung các nhà vệ sinh này) (khoảng 47,23 m^3/ngày đêm).

- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất (nước súc rửa bồn, nước rửa đế giày,...) từ nhà xưởng sản xuất của Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá (khoảng 30,02 m^3/ngày đêm).

- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc hệ thống xử lý nước thải (khoảng 1,59 m^3/ngày đêm).

- Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh tại khu nhà xưởng sản xuất, nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn, nhà bảo vệ của Công ty TNHH EZ Rạch Giá (khoảng 29,3 m^3/ngày đêm).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải từ cơ sở sẽ thoát vào cống thoát nước chung của khu công nghiệp Thạnh Lộc, sau đó thoát vào kênh Vành Đai tại xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí: Cống thoát nước chung tại đường số 1 của khu công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả thải: X= 1104506, Y = 568802 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^0 30'$, múi chiếu 3^0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m^3/ngày.đêm (6,25m^3/giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy. Nước thải sau xử lý sẽ tự chảy theo đường ống uPVC có D = 200mm đấu nối vào hố ga thoát nước thải của Khu công nghiệp Thạnh Lộc.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp – QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, K_q= 0,9, K_f=1,1), cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD_5	mg/l	29,7		
3	COD	mg/l	74,3		
4	Clo dư	mg/l	0,99		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95		
7	Tổng nitơ	mg/l	19,8		
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,96		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
10	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	3000		

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp – QCVN 40:2025/BTNMT.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh từ nhà máy đều được thu gom bằng hệ thống thu gom nước thải riêng với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ nguồn 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh tại khu nhà xưởng sản xuất, khu nhà văn phòng, nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn, nhà bảo vệ của Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá (công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải sử dụng chung các nhà vệ sinh này) sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tiếp tục theo đường ống uPVC D140-145mm kết nối vào hệ thống thu gom nước thải của giai đoạn 1 đường ống uPVC D200, chiều dài 640m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ nguồn 2: Nước thải sản xuất (nước súc rửa bồn, nước rửa đế giày,...) từ nhà xưởng sản xuất của Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá được kết nối vào kết nối vào hệ thống thu gom nước thải của giai đoạn 1 đường ống uPVC D200, chiều dài 640m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ nguồn 3: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc hệ thống xử lý nước thải sẽ theo đường ống D100mm, chiều dài 15m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ nguồn 4: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh tại khu nhà xưởng sản xuất, nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn, nhà bảo vệ của Công ty TNHH EZ Rạch Giá sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại tiếp tục theo đường ống uPVC D140-145mm kết nối vào hệ thống thu gom nước thải của giai đoạn 2 đường ống uPVC D168-200mm, chiều dài 243m. Sau đó kết nối vào vào hệ thống thu gom nước thải của giai đoạn 1 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

- Nước thải từ các nguồn phát sinh được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m^3/ngày đêm để xử lý. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ tự chảy theo đường ống uPVC D200mm đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp Thạnh Lộc.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ → Hố thu → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể lắng 1→ Bể khử Nitơ 1 → Bể hiếu khí 1 → Bể khử Nitơ 2 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng 2 → Bể trung chuyển → Bể lọc cát → Bể khử trùng → Đấu nối hố ga Khu công nghiệp.

- Công suất: 150 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, NaOH, Polymer, dinh dưỡng, Clorine.

- Chế độ vận hành: Tự động, liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng bắt buộc lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

a) Biện pháp phòng ngừa sự cố nước thải

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn. Bể gom phải luôn đảm bảo cao hơn mặt sân nền và có nắp thăm, không để nước mưa sân nền tràn vào bể gom làm tăng lưu lượng nước thải.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời là cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

b) Biện pháp xử lý sự cố

- Đối với sự cố hư hỏng thiết bị: Khi có sự cố xảy ra sẽ lập tức sửa chữa và thay thế bằng thiết bị dự phòng và sớm khắc phục sự cố nhanh nhất có thể. Trong trường hợp chưa khắc phục kịp thời, giải pháp tối ưu là tạm thời lưu giữ nước thải

tại các bể xử lý không xảy ra sự cố và đường ống thu gom; hạn chế sử dụng nước tại thời điểm bị sự cố. Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành lại hệ thống xử lý đảm bảo không làm gián đoạn quá trình xử lý. Chủ cơ sở bố trí túi HDPE với thể tích 150 m^3 để lưu chứa nước thải khi xảy ra sự cố, thời gian lắp đặt túi chứa là khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố ngưng hoạt động, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời tại các bể chứa của hệ thống xử lý nước thải, đồng thời chủ cơ sở bố trí túi HDPE với thể tích 150 m^3 để lưu chứa nước thải khi xảy ra sự cố. Trong thời gian lưu nước tại các bể mà chưa khắc phục được sự cố, chủ cơ sở sẽ liên hệ với đơn vị dịch vụ môi trường chuyên nghiệp để thuê xe bồn chuyên dụng đến hút nước thải mang đi xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 150 m^3/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m^3/ngày.

- Nước thải đầu ra Hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m^3/ngày (tọa độ vị trí xả thải: X= 1104506, Y = 568802, theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^0$30', múi chiếu 3^0).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Thông số: pH, BOD_5, COD, Clo dư, Chất rắn lơ lửng, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Giới hạn cho phép: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp – QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, K_q= 0,9, K_f=1,1)

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Trong 03 ngày liên tiếp (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, kế hoạch quan trắc chất thải đến cơ quan cấp giấy phép môi trường để được kiểm tra, giám sát theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải

thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Trường hợp khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định liên quan đến phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường nơi tiếp nhận, chủ cơ sở phải thực hiện việc xả thải theo quy định mới ban hành.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý nước thải để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn tiếp nhận đáp ứng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp – QCVN 40:2025/BTNMT kể từ ngày 01/01/2032.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.7. Khuyến khích chủ cơ sở lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 30 /GPMT-SNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh chính: Tiếng ồn từ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
2	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2 Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	50	-	Khu vực đặc biệt
2	70	60	-	Khu vực thông thường

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, tiếng ồn, độ rung tại cơ sở phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh

tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 30 /GPMT-SNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	12
2	Bao bì mềm thải (đựng hóa chất)	18 01 01	4
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa (đựng hóa chất)	18 01 03	6
4	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	6
5	Bùn thải từ hệ thống nước thải	10 02 03	1.813
Tổng cộng			**1.841**

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải có khối lượng 2,5kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Chất thải được lưu chứa vào các thùng riêng biệt có dung tích từ 120-240 lit (tùy vào khối lượng của từng loại chất thải), bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời bằng 2 thùng 200L. Các thiết bị lưu được dán nhãn, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo quy định.

Chủ cơ sở bố trí khu vực lưu chứa có diện tích 40m^2, nền bê tông cốt thép, có mái che, tường vây quanh, có cửa đóng kín, có dán biển khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải được phân loại và thu gom chung vào thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt của Công ty TNHH Tae Sung Rạch Giá.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

4. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 30 /GPMT-SNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.